

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND và
Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

1. Sửa đổi, bổ sung tiết (-) thứ hai điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND như sau:

“- Vốn sự nghiệp: Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương cho Sở Nội vụ; tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tiết (-) thứ nhất điểm a khoản 4 Điều 4 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND như sau:

“- Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.”.

3. Sửa đổi, bổ sung tiết (-) thứ nhất điểm b khoản 4 Điều 4 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND như sau:

“- Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.”.

4. Sửa đổi, bổ sung tiết (-) thứ nhất điểm a khoản 5 Điều 4 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND như sau:

“- Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.”.

5. Sửa đổi, bổ sung tiết (-) thứ nhất điểm b khoản 5 Điều 4 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND như sau:

“- Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan cấp tỉnh chủ trì chương trình, chủ trì các dự án thành phần và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện chương trình: Sở Nông nghiệp và Môi trường 26%, Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh 4%, Sở Nội vụ 4%, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch 4%, Sở Y tế 4%, Sở Giáo dục và Đào tạo 4% và Sở Tài chính 4%; tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND như sau:

“2. Các cơ quan cấp tỉnh và các địa phương tham gia thực hiện Chương trình căn cứ kế hoạch ngân sách trung ương được giao xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương gửi Sở Nội vụ tổng hợp gửi Sở Tài chính theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tiểu tiết (+) thứ nhất tiết (-) thứ hai tiểu dự án 2 điểm b khoản 2 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND như sau:

“+ Phân bổ vốn cho cơ quan cấp tỉnh: Không quá 11% tổng số vốn của tiểu dự án để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Sở Nội vụ không quá 3%; Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân mỗi cơ quan không quá 2%).”.

3. Sửa đổi, bổ sung tiết (-) thứ hai tiểu dự án 2 điểm d khoản 2 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tiểu tiết (+) thứ nhất nội dung 1 như sau:

“Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

+ Phân bổ vốn cho cơ quan cấp tỉnh không quá 36%, trong đó: Sở Nội vụ không quá 22%, Trường Chính trị tỉnh không quá 14%.”.

b) Sửa đổi, bổ sung tiểu tiểu tiết (+) thứ nhất nội dung 2 như sau:

“Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học

+ Phân bổ vốn cho cơ quan cấp tỉnh không quá 36%, trong đó: Sở Nội vụ không quá 22%, Trường Chính trị tỉnh không quá 14%.”.

4. Sửa đổi, bổ sung tiểu tiết (+) thứ nhất tiết (-) thứ hai tiểu dự án 3 điểm d khoản 2 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND như sau:

“+ Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Không quá 2,5% tổng vốn Tiểu dự án.”.

5. Sửa đổi, bổ sung tiểu tiết (+) thứ nhất tiết (-) thứ hai tiểu dự án 4 điểm d khoản 2 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND như sau:

“+ Phân bổ cho Sở Nội vụ: Không quá 20% tổng vốn Tiểu dự án.”.

6. Sửa đổi, bổ sung tiểu tiết (+) thứ nhất tiết (-) thứ hai tiểu dự án 2 điểm h khoản 2 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND như sau:

“+ Phân bổ cho Sở Nội vụ: Không quá 16% vốn sự nghiệp tiểu dự án.”.

7. Sửa đổi, bổ sung tiểu tiết (+) thứ nhất tiết (-) thứ hai tiểu dự án 1 điểm i khoản 2 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND như sau:

“+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 70% tổng vốn sự nghiệp (Sở Nội vụ không quá 50%; Sở Tư pháp không quá 10%; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quá 10%).”.

8. Sửa đổi, bổ sung tiêu tiết (+) thứ nhất tiết (-) thứ hai tiêu dự án 2 điểm i khoản 2 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND như sau:

“+ Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 67% tổng vốn sự nghiệp (Sở Nội vụ không quá 45%, Sở Khoa học và Công nghệ không quá 22%).”.

9. Sửa đổi, bổ sung tiêu tiết (+) thứ nhất tiết (-) thứ hai tiêu dự án 3 điểm i khoản 2 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND như sau:

“+ Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 70% tổng vốn sự nghiệp Tiêu dự án. Trong đó: Sở Nội vụ không quá 27%, Sở Tài chính không quá 23%, Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh không quá 20%.”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 5 năm 2025.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2025.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính - Quản trị II;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đồng Văn Thanh